

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 5
Báo cáo kiểm toán độc lập	6 – 7
Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	8 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 – 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách – Thiết bị trường học Nam Định, thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 8588/QĐ – BGD&ĐT – TCCB ngày 29/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, được đổi tên từ Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định theo Quyết định số 24/2017/QĐ – HĐQT ngày 28/12/2017. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000526 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 05/01/2005.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 số 0600004422 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 25 tháng 08 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty tại: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Công ty có các chi nhánh sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long tại Hà Nội (Chi nhánh hạch toán phụ thuộc)	Tầng 4, số 459C phố Bạch Mai, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

SỰ KIẾN TRỌNG YẾU TRONG NĂM

Theo Nghị Quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư Sao Thăng Long về việc: Thông qua chi tiết chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2022 ngày 17/05/2022, Công ty dự kiến chào bán và phát hành thêm 115.000.000 cổ phiếu với tổng giá trị 1.150.000.000.000 VND trong năm 2022 với mục đích mua lại cổ phần của các cổ đông tại Công ty cổ phần du lịch sinh thái Kim Lan.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 của Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long ngày 05 tháng 09 năm 2022 thông qua:

- Tờ trình số 16/2022/TTr-HĐQT về việc dừng thực hiện phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2022 và xây dựng phương án chào bán mới;
- Tờ trình số 17/2022/TTr-HĐQT về việc thông qua phương án chào bán riêng lẻ. Theo Tờ trình này kế hoạch tăng vốn năm 2022 dự kiến tăng thêm 67.500.000 cổ phiếu với tổng trị giá 675.000.000.000 đồng với hình thức chào bán cổ phiếu riêng lẻ. Đối tượng chào bán là Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Thời gian dự kiến chào bán trong Quý 4/2022 – Quý 1/2023. Mục đích chào bán nhận chuyển nhượng tài sản là Trung tâm Thương mại Chợ Mơ.

Đến thời điểm 31/12/2022, đơn vị chưa thực hiện xong việc chào bán này.

Trong năm 2022, đơn vị thực hiện giao dịch đầu tư cổ phần Công ty CP Chợ Mơ theo 3 hợp đồng chuyển nhượng cổ phần lần lượt tại các ngày 31/08/2022; 21/09/2022 và 20/12/2022 từ Công ty CP Du lịch sinh thái Kim Lan. Theo đó, đến thời điểm 31/12/2022, Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long nắm giữ 49% cổ phần của Công ty CP Chợ Mơ.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 12/01/2023, Công ty có bổ nhiệm Ông Đoàn Văn Cường giữ chức vụ kế toán trưởng Công ty, đồng thời miễn nhiệm chức vụ kế toán trưởng đối với Bà Phạm Thị Nhài.

Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đức Hiếu	Chủ tịch HĐQT	
Ngô Quang Hòa	Thành viên	Miễn nhiệm, ngày 21/3/2022
Ông Bùi Việt Dũng	Thành viên	
Ông Trần Minh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm, ngày 21/3/2022

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Việt Dũng	Tổng Giám đốc	
Bà Hứa Thị Anh Đào	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm, ngày 21/07/2022
Bà Phạm Thị Nhài	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm, ngày 24/1/2022
		Miễn nhiệm, ngày 12/01/2023
Ông Đoàn Văn Cường	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm, ngày 12/01/2023

Các thành viên Ban Kiểm soát công ty trong năm và ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Trưởng ban	
Ông Phạm Minh Đức	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/3/2022
Ông Hà Tuấn Sơn	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Khánh Ly	Thành viên	Bổ nhiệm, ngày 21/3/2022
Ông Nguyễn Trường Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm, ngày 05/09/2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, Công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho kỳ kế toán tài chính tiếp theo.
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan về lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT – BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán.

Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2023

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch Hội đồng quản trị
(Đại diện pháp luật)



Nguyễn Đức Hiếu



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số: 216/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2022
của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long

Kính gửi:

**Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sao Thăng Long được lập ngày 29 tháng 03 năm 2022, từ trang 08 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp là cơ sở ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sao Thăng Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

Phó Tổng Giám đốc



Trần Thị Hạnh

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán
số 0726-2023-133-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Hà Phương

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán
Kiểm toán : 4033-2023-133-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		27.448.215.531	131.226.935.765
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.857.465.888	2.941.400.122
111	1. Tiền		1.857.465.888	2.941.400.122
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		1.759.954.800	107.230.733.220
121	1. Chứng khoán kinh doanh		5.011.980.754	109.023.849.274
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		(3.252.025.954)	(1.793.116.054)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		21.767.910.975	20.063.809.912
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	5.531.603.852	18.531.372.509
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	82.532.641	1.065.472.473
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		16.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	199.200.114	2.282.978.507
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	8	(45.425.632)	(1.816.013.577)
140	IV. Hàng tồn kho	9	2.002.703.003	891.454.862
141	1. Hàng tồn kho		2.654.043.094	891.454.862
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(651.340.091)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		60.180.865	99.537.649
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	700.003	60.234.333
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		59.480.862	39.303.316
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		385.559.914.370	242.708.410.362
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		3.413.606.770	3.508.410.362
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	3.413.606.770	3.508.410.362
222	- Nguyên giá		3.886.947.140	3.886.947.140
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(473.340.370)	(378.536.778)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	382.007.070.167	239.200.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		302.007.070.167	-
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		80.000.000.000	180.000.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	-
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	59.200.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		139.237.433	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	53.401.041	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		413.008.129.901	373.935.346.127

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
300	NỢ PHẢI TRẢ		17.349.241.699	13.488.800.954
310	I. Nợ ngắn hạn		17.349.241.699	10.169.771.547
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	3.900.784.746	2.690.931.311
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	24.672.069	1.391.090.264
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	12.211.041.870	6.087.749.972
314	4. Phải trả người lao động		227.999.832	-
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	984.743.182	-
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12	-	-
330	II. Nợ dài hạn		-	3.319.029.407
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12	-	46.623.535
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	3.272.405.872
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		395.658.888.202	360.446.545.173
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	395.658.888.202	360.446.545.173
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		323.000.000.000	323.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		323.000.000.000	323.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		113.603.333	113.603.333
415	3. Cổ phiếu quỹ (*)		(437.449.533)	(437.449.533)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		291.971.737	291.971.737
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		72.680.859.437	37.469.118.824
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		40.741.524.696	(7.528.769.885)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		31.939.334.741	44.997.888.709
422	6. Nguồn vốn đầu tư XDCB		-	-
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		9.903.228	9.300.812
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		413.008.129.901	373.935.346.127

Người lập biểu



Đoàn Văn Cường

Kế toán trưởng



Đoàn Văn Cường

Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Đại diện pháp luật)



Nguyễn Đức Hiếu

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Đơn vị tính: VND Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	49.839.284.204	38.509.307.722
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		49.839.284.204	38.509.307.722
11	4. Giá vốn hàng bán	19	47.190.653.127	37.117.965.852
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		2.648.631.077	1.391.341.870
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	57.471.799.457	58.058.119.373
22	7. Chi phí tài chính	21	13.211.305.348	1.654.510.759
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	237.737.549
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết		34.581.293	-
25	9. Chi phí bán hàng	22	243.606.275	448.676.538
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	3.905.833.670	2.775.289.473
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}		42.794.266.534	54.570.984.473
31	12. Thu nhập khác		1.413.727.705	67.498.593
32	13. Chi phí khác	24	171.998.914	227.646.813
40	14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		1.241.728.791	(160.148.220)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		44.035.995.325	54.410.836.253
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành		12.181.894.560	6.140.194.114
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(85.836.392)	3.272.405.872
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		31.939.937.157	44.998.236.267
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		31.939.334.740	44.997.974.672
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		602.417	261.595
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	991	1.397
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu			

Người lập biểu

Đoàn Văn Cường

Kế toán trưởng

Đoàn Văn Cường

Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Chữ điện pháp luật)



Nguyễn Đức Hiếu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Phương pháp gián tiếp
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
01	1. Lợi nhuận trước thuế	44.035.995.325	54.410.836.253
	2. Điều chỉnh cho các khoản	(56.440.971.269)	(53.978.407.688)
02	- Khấu hao tài sản cố định	94.803.592	98.807.192
03	- Các khoản dự phòng	339.662.046	1.641.346.946
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	-
05	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(56.875.436.907)	(55.956.299.375)
06	- Chi phí lãi vay	-	237.737.549
07	- Các khoản điều chỉnh khác	-	-
08	3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	(12.404.975.944)	432.428.565
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	16.046.309.336	7.707.586.847
10	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	1.762.588.232	(587.639.447)
11	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(2.452.042.922)	(7.505.165.939)
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	6.133.289	23.510.390
13	- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	104.011.868.520	-
14	- Tiền lãi vay đã trả	-	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(6.075.557.950)	(44.698.788)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	100.894.322.561	26.021.628
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các	-	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH	-	340.080.011
23	3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị	(83.494.651.300)	(168.223.849.274)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	126.694.651.300	49.748.493.151
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(322.975.100.000)	(180.000.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	121.012.600.000	261.993.750.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	56.875.436.907	40.976.052.016
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(101.887.063.093)	4.834.525.904

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	-	
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	-	
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(46.623.535)	(4.578.542.927)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	-	
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(46.623.535)	(4.578.542.927)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(1.039.364.067)	282.004.605
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	2.941.400.122	2.659.395.517
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	1.902.036.055	2.941.400.122

Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



Đoàn Văn Cường

Kế toán trưởng



Đoàn Văn Cường

Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Đại diện pháp luật)



Nguyễn Đức Hiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng

Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách – Thiết bị trường học Nam Định, thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 8588/QĐ – BGD&ĐT – TCCB ngày 29/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, được đổi tên từ Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định theo Quyết định số 24/2017/QĐ – HDQT ngày 28/12/2017. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000526 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 05/01/2005.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 số 0600004422 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 25 tháng 08 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty tại: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam

Vốn điều lệ của Công ty là: 323.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm hai mươi ba tỷ đồng).

Mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phiếu, tương đương 32.300.000 cổ phần.

Số lượng cán bộ công nhân viên tại 31/12/2022 là: 12 người.

Công ty có các chi nhánh sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long tại Hà Nội (Chi nhánh hạch toán phụ thuộc)	Số 19, ngõ 158 đường Nguyễn Văn Cừ, Tổ 5, P. Bồ Đề, Q. Long Biên, TP Hà Nội

Cơ cấu tổ chức :

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có 1 công ty con và 1 công ty liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau :

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	TL biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động tài chính trong năm
1	Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định	99,880%	99,880%	TP Nam Định	Kinh doanh sách giáo khoa
2	Công ty CP Chợ Mơ	49%	49%	TP Hà Nội	Xây dựng lắp đặt, kinh doanh bất động sản, vận tải hàng hóa

Lĩnh vực kinh doanh: Công ty kinh doanh trong lĩnh vực: sản xuất, thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của công ty là:

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn sách giáo khoa, sách khác, văn phòng phẩm; Bán buôn thiết bị đồ dùng dạy học, tranh ảnh bán đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xuất bản sách (Chi tiết: Phát hành sách);
- Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ (Chi tiết: Phát hành sách, báo, tạp chí, tranh ảnh bán đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Bán buôn đồ uống.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm ảnh hưởng lớn đến Báo cáo tài chính

Trong năm đơn vị có thực hiện mua sở hữu 49% Công ty CP Chợ Mơ từ Công ty CP Du lịch sinh thái Kim Lan theo 3 hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 3181/2022/HĐCNCP ngày 31/08/2022; hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 21092/2022/HĐCNCP ngày 21/09/2022 và hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2012/2022/HĐCNCP ngày 20/12/2022. Giá mua cổ phần đã thực hiện là 72.500 đồng/cổ phần (mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần).

Từ năm 2019, Công ty có thay đổi hoạt động kinh doanh sang quy mô đầu tư tài chính. Vì vậy, thu nhập trong năm 2022 chủ yếu là doanh thu hoạt động tài chính liên quan đến lãi hoạt động chuyển nhượng cổ phần và đầu tư trái phiếu.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao

gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

2.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.12 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

2.14 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;

- Chi phí lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

2.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.17 Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở số liệu của Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long và các Công ty con, công ty liên kết bao gồm:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	TL biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động tài chính trong năm
1	Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định	99,880%	99,880%	TP Nam Định	Kinh doanh sách giáo khoa
2	Công ty CP Chợ Mơ	49%	49%	TP Hà Nội	Xây dựng lắp đặt, kinh doanh bất động sản, vận tải hàng hóa

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính từ Công ty mẹ và các Công ty con. Các Công ty được xác định là công ty con của Công ty khi có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các Công ty này.

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các chính sách kế toán của các Công ty con có thể được điều chỉnh nhằm đảm bảo chính sách kế toán được áp dụng ở Công ty mẹ và các Công ty con không có sự khác biệt đáng kể.

Tất cả các nghiệp vụ (giao dịch) và số dư chủ yếu giữa các Công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Giá trị khoản đầu tư của Công ty vào các Công ty liên kết được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ tại Công ty liên kết tương ứng vượt quá phần vốn góp của Công ty tại các Công ty này đều không được ghi nhận.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	353.521.487	2.874.533.225
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.503.944.401	66.866.897
Cộng	1.857.465.888	2.941.400.122

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	5.011.980.754	(3.252.025.954)	109.023.849.274	(1.793.116.054)
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-
- Trái phiếu	-	-	-	-
- Chứng khoán kinh doanh (*)	5.011.980.754	(3.252.025.954)	109.023.849.274	(1.793.116.054)
Dài hạn	-	-	59.200.000.000	-
- Trái phiếu	-	-	59.200.000.000	-
Cộng	5.011.980.754	(3.252.025.954)	168.223.849.274	(1.793.116.054)

(*) Chi tiết chứng khoán kinh doanh cuối năm

- Cổ phiếu của Công ty CP Xăng dầu dầu khí Nam Định: Số lượng 231.573 CP, giá trị 5.011.980.754 VND. Đơn vị thực hiện trích lập dự phòng giám giá chứng khoán theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2022. Cụ thể như sau:

	SL CP	Giá gốc	Giá tại ngày 31/12/2022	Dự phòng
CP Công ty CP xăng dầu dầu khí Nam Định	231.573	21.643	7.600	3.252.025.954

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết	302.007.070.167	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Chợ Mơ	302.007.070.167	(*)	-	-	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	80.000.000.000	-	-	180.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch sinh thái Kim Lan				100.000.000.000	(*)	
Công ty Cổ phần phát triển thương mại Vinaconex	80.000.000.000	(*)		80.000.000.000	(*)	
Tổng cộng	382.007.070.167	-	-	180.000.000.000	-	-

(1) Trong năm đơn vị có thực hiện việc đầu tư nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty CP Chợ Mơ từ Công ty CP Du lịch sinh thái Kim Lan theo 3 hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 3181/2022/HĐCNCP ngày 31/08/2022; hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 21092/2022/HĐCNCP ngày 21/09/2022 và hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2012/2022/HĐCNCP ngày 20/12/2022. Đến thời điểm 31/12/2022, giá trị đầu tư vào công ty CP Chợ Mơ cụ thể như sau

	Số lượng CP	Mệnh giá CP	Giá mua/CP	Tổng giá trị mua
Công ty CP Chợ Mơ	4.165.000	10.000	72.500	301.962.500.000

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Thông tin chi tiết về đầu tư vào các Công ty liên kết, Công ty khác của công ty tại ngày 31/12/2022 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Chợ Mơ	Số 12 ngõ 69 phố ái Mộ. - Phường Bồ Đề - Quận Long Biên - Hà Nội.	49,00%	49,00%	Xây dựng lắp đặt, kinh doanh bất động sản, vận tải hàng hóa
Công ty Cổ phần phát triển thương mại Vinaconex	Số 459 Bạch Mai, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	10,00%	10,00%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Phải thu các phòng Giáo dục	2.529.074.965	4.697.680.624
Phải thu các trường	2.449.327.704	635.646.918
Đàm Mạnh Quân		3.500.000.000
Nguyễn Thùy Linh		8.000.000.000
Các đối tượng khác	553.201.183	1.698.044.967
Cộng	5.531.603.852	18.531.372.509

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Mạnh Thành Quang		981.687.700
Công ty TNHH Kiểm toán TTP	75.000.000	
Công Ty Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc	7.532.641	
Các đối tượng khác		83.784.773
	82.532.641	1.065.472.473

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu khác ngắn hạn	199.200.114	-	2.282.978.507	-
Tạm ứng	50.000	-	-	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	-	-	-
Phải thu khác ngắn hạn (*)	199.150.114	-	2.282.978.507	-
Cộng	199.200.114	-	2.282.978.507	-
c. Các bên liên quan		-	2.113.578.082	-

(Chi tiết các bên liên quan tại thuyết minh số 28)

(*) Chi tiết số dư:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty cổ phần du lịch sinh thái Kim Lan		13.150.685
Công ty CP quản lý tài sản Pyxis		2.113.578.082
Các khoản khác	199.200.114	156.249.740
Tổng cộng	199.200.114	2.282.978.507

8. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
KL TP Nam Định (vở luyến C1)			313.921.200	
KL TP Ý Yên			199.761.600	
Công ty TNHH Mạnh Thành Quang			981.687.700	
KL Hải Hậu (vở luyến C1)			151.668.800	
KL Công nghệ GD C1(Nam Trục)			136.000.250	
Các đối tượng khác	45.425.632		34.114.027	1.140.000
	45.425.632	-	1.817.153.577	1.140.000

Ngày 31/12/2022, đơn vị đã thực hiện xóa một số khoản công nợ khó đòi đã trích lập dự phòng 100% được trên 3 năm theo Quyết định số 12-02/2022/QĐ-HĐQT ngày 31/12/2022 của Hội đồng quản trị.

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hoá	2.654.043.094	(651.340.091)	891.454.862	-
	2.654.043.094	(651.340.091)	891.454.862	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 651.340.091 VND.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
					Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	3.886.947.140				3.886.947.140
- Mua trong năm					-
- Đầu tư hoàn thành					-
- Phân loại lại					-
- Góp vốn bằng tài sản					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác					-
Số cuối năm	3.886.947.140	-	-	-	3.886.947.140
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	378.536.778				378.536.778
- Khấu hao trong năm	94.803.592				94.803.592
- Tăng khác					-
- Phân loại lại					-
- Góp vốn bằng tài sản					-
- Thanh lý nhượng bán					-
- Giảm khác					-
Số cuối năm	473.340.370	-	-	-	473.340.370
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	3.508.410.362	-	-	-	3.508.410.362
Tại ngày cuối năm	3.413.606.770	-	-	-	3.413.606.770

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đang thế chấp các khoản vay: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 0 VND

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ	700.003	60.234.333
Cộng	700.003	60.234.333
b. Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ	53.401.041	
Cộng	53.401.041	-

12. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Chi tiết phụ lục số 04.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a. Ngắn hạn				
Công ty CP Giáo dục Cánh Diều	959.848.886	959.848.886		-
Công ty TNHH EDUCATION SOLUTION	165.442.400	165.442.400		-
Nhà sách giáo dục Bình Minh	347.639.400	347.639.400		-
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	1.888.957.105	1.888.957.105	1.037.477.812	1.037.477.812
Công ty CP đầu tư và phát triển giáo dục Hà Nội	532.062.715	532.062.715	1.646.619.255	1.646.619.255
Các đối tượng khác	6.834.240	6.834.240	6.834.244	6.834.244
Cộng	3.900.784.746	3.900.784.746	2.690.931.311	2.690.931.311

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công ty CP đầu tư và thương mại NKC Việt Nam		1.376.411.100
Công ty CP Phát hành sách Ninh Bình	23.985.069	
- Các đối tượng khác	687.000	14.679.164
Cộng	24.672.069	1.391.090.264

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Giảm khác	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng		12.192.021	114.679.156	120.269.007		6.602.170
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	6.075.557.951	12.181.894.560	6.075.557.950		12.181.894.561
Thuế Thu nhập cá nhân		-	57.873.486	35.328.347		22.545.139
Các loại thuế khác		-	3.306.355	3.306.355		-
Phí, lệ phí và các		-	3.000.000	3.000.000		-
Cộng	-	6.087.749.972	12.360.753.557	6.237.461.659	-	12.211.041.870

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả khác ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	8.925.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	975.818.182	-
Cộng	984.743.182	-

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND Cộng
Số dư đầu năm trước	323.000.000.000	113.603.333	(437.449.533)	291.971.737	(5.235.806.906)	12.199.376	317.744.518.007
- Tăng vốn trong năm trước							-
- Lãi (lỗ) trong năm trước					44.997.974.672	(2.898.564)	44.995.076.108
- Tăng khác							-
- Giảm khác					(2.293.048.942)		(2.293.048.942)
Số dư cuối năm trước	323.000.000.000	113.603.333	(437.449.533)	291.971.737	37.469.118.824	9.300.812	360.446.545.173
Số dư đầu năm nay	323.000.000.000	113.603.333	(437.449.533)	291.971.737	37.469.118.824	9.300.812	360.446.545.173
- Tăng vốn trong năm nay							-
- Lãi (lỗ) trong năm nay					31.939.334.740	602.416	31.939.937.157
- Tăng khác					3.272.405.873		3.272.405.873
- Giảm do thoái vốn							-
Số dư cuối năm nay	323.000.000.000	113.603.333	(437.449.533)	291.971.737	72.680.859.437	9.903.228	395.658.888.203

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Các cổ đông	323.000.000.000	100,0%	323.000.000.000	100,0%
	323.000.000.000	100%	323.000.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm trước	Năm nay
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	323.000.000.000	323.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	323.000.000.000	323.000.000.000

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp)

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.300.000	32.300.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.300.000	32.300.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>32.300.000</i>	<i>32.300.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	81.000	81.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>81.000</i>	<i>81.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.219.000	32.219.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>32.219.000</i>	<i>32.219.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP		

f. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	291.971.737	291.971.737

18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm trước	Năm nay
	VND	VND
Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hàng hóa	49.809.284.204	38.509.307.722
- Doanh thu bán thành phẩm	-	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.000.000	-
Cộng	49.839.284.204	38.509.307.722

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm trước	Năm nay
	VND	VND
- Giá vốn bán hàng hàng hóa	47.182.461.309	37.117.965.852
- Giá vốn bán thành phẩm	-	-
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	8.191.818	-
Cộng	47.190.653.127	37.117.965.852

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm trước	Năm nay
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, cho vay	258.373.799	3.353.385.131
- Lãi trái phiếu	4.921.702.768	5.248.834.380
- Chiết khấu thanh toán	449.002.550	1.454.649.862
-Lãi do thanh lý các khoản đầu tư	-	48.001.250.000
-Lãi mua bán cổ phần	51.695.360.340	
-Nhận cổ tức cổ phiếu kinh doanh	147.360.000	
Cộng	57.471.799.457	58.058.119.373

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm trước	Năm nay
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	-	237.737.549
- Chiết khấu thanh toán	473.796.878	606.251.977
- Trích lập/hoàn nhập dự phòng	1.458.909.900	163.351.097
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	11.094.851.920	
- Lỗ mua bán cổ phần	183.746.650	
- Khác	-	647.170.136
Cộng	13.211.305.348	1.654.510.759

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm trước	Năm nay
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	-	38.684.162
- Chi phí nhân công	-	80.800.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	51.891.651
- Chi phí khác bằng tiền	243.606.275	277.300.725
Cộng	243.606.275	448.676.538

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm trước	Năm nay
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	51.338.848	54.830.332
- Chi phí nhân công	2.872.999.424	1.653.609.003
- Chi phí khấu hao	94.803.592	98.807.192
- Thuế, phí, lệ phí	10.316.355	23.125.121
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	244.545.122	327.838.580
- Chi phí khác bằng tiền	586.404.697	313.856.903
- Chi phí dự phòng	45.425.632	303.222.342
Cộng	3.905.833.670	2.775.289.473

24. CHI PHÍ KHÁC

	Năm trước	Năm nay
	VND	VND
- Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	171.137.148	24.802.015
- Khác	861.766	202.844.798
Cộng	171.998.914	227.646.813

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm trước	Năm nay
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	31.939.334.740	44.997.974.672
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	31.939.334.740	44.997.974.672
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	32.219.000	32.219.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	991	1.397

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm trước	Năm nay
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	51.338.848	93.514.494
- Chi phí nhân công	2.872.999.424	1.734.409.003
- Chi phí khấu hao	94.803.592	98.807.192
- Chi phí dự phòng	45.425.632	303.222.342
- Thuế, phí, lệ phí	10.316.355	23.125.121
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	244.545.122	379.730.231
- Chi phí khác bằng tiền	830.010.972	591.157.628
Cộng	4.149.439.945	3.223.966.011

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.857.465.888		2.941.400.122	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.730.803.966	(45.425.632)	20.814.351.016	(1.816.013.577)
Các khoản cho vay	16.000.000.000		-	
Đầu tư ngắn hạn	5.011.980.754	(3.252.025.954)	109.023.849.274	(1.793.116.054)
Đầu tư dài hạn	80.000.000.000	-	239.200.000.000	
Cộng	108.600.250.608	(3.297.451.586)	371.979.600.412	(3.609.129.631)

Nợ phải trả tài chính

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay và nợ	-	46.623.535
Phải trả người bán, phải trả khác	4.885.527.928	2.690.931.311
Chi phí phải trả	-	-
Cộng	4.885.527.928	2.737.554.846

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.857.465.888			1.857.465.888
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.730.803.966	-		5.730.803.966
Các khoản cho vay	16.000.000.000	-		16.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	5.011.980.754			5.011.980.754
Đầu tư dài hạn		80.000.000.000	-	80.000.000.000
Cộng	28.600.250.608	80.000.000.000	-	108.600.250.608
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.941.400.122			2.941.400.122
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20.814.351.016	-		20.814.351.016
Các khoản cho vay	-	-		-
Đầu tư ngắn hạn	109.023.849.274			109.023.849.274
Đầu tư dài hạn		239.200.000.000		239.200.000.000
Cộng	132.779.600.412	239.200.000.000	-	371.979.600.412

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả	4.885.527.928	-	-	4.885.527.928
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Cộng	4.885.527.928	-	-	4.885.527.928
Số đầu năm				
Vay và nợ	-	46.623.535	-	46.623.535
Phải trả người bán, phải trả	2.690.931.311	-	-	2.690.931.311
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Cộng	2.690.931.311	46.623.535	-	2.737.554.846

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 12/01/2023, Công ty có bổ nhiệm Ông Đoàn Văn Cường giữ chức vụ kế toán trưởng Công ty, đồng thời miễn nhiệm chức vụ kế toán trưởng đối với Bà Phạm Thị Nhài.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Hoạt động bán hàng hóa	Hoạt động bán thành phẩm	Hoạt động khác	Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	49.809.284.204	-	30.000.000	49.839.284.204
Chi phí bộ phận	47.182.461.309	-	8.191.818	47.190.653.127
Kết quả kinh doanh bộ	2.626.822.895	-	21.808.182	2.648.631.077
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				4.149.439.945
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(1.500.808.868)
Doanh thu hoạt động tài chính				57.471.799.457
Chi phí tài chính				13.211.305.348
Phần lãi lỗ trong công ty liên kết				34.581.293
Thu nhập khác				1.413.727.705
Chi phí khác				171.998.914
Thuế TNDN hiện hành				12.181.894.560
Thuế TNDN hoãn lại				(85.836.392)
Lợi nhuận sau thuế				31.939.937.157

30. NGHIỆP VỤ VÀ CÁC SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

a. Thông tin các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP quản lý tài sản Pyxis	Công ty đầu tư khác đến ngày 21/09/2022
Công ty CP Du lịch sinh thái Kim Lan	Công ty đầu tư khác đến ngày 31/08/2022
Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest	Ông Trần Minh Tuấn là thành viên HĐQT Công ty đồng thời là thành viên HĐQT Công ty CP Chứng khoán Smart Invest
Ông Bùi Việt Dũng	Tổng Giám đốc
Bà Hứa Thị Anh Đào	Phó Tổng Giám đốc đến ngày 21/07/2022

b. Giao dịch với bên liên quan**- Giao dịch phát sinh trong năm**

	<u>Năm nay</u>
	VND
Lãi trái phiếu	
Công ty CP quản lý tài sản Pyxis	3.131.704.109
Công ty CP Du lịch sinh thái Kim Lan	999.452.055
Thu lãi trái phiếu	
Công ty CP quản lý tài sản Pyxis	4.446.246.575
Công ty CP Du lịch sinh thái Kim Lan	1.012.602.740
Thu tiền bán trái phiếu	
Công ty CP Du lịch sinh thái Kim Lan	20.000.000.000
Thanh toán tiền mua CP	
Công ty CP Du lịch sinh thái Kim Lan	108.750.000.000
Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest	
Phí UTTB CK	43.386.250
Chi phí lưu ký	7.125.751
Chi phí giao dịch	141.343.800
Doanh thu cho thuê văn phòng	33.000.000
Số dư các bên liên quan	<u>Số cuối năm</u>
Phải thu khác	-
Công ty CP quản lý tài sản Pyxis	2.113.578.082
Công ty CP Du lịch sinh thái Kim Lan	13.150.685

c. Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc

	<u>Năm nay</u>
	VND
- Ông Bùi Việt Dũng	Tổng Giám đốc 208.160.000
- Bà Hứa Thị Anh Đào	Phó Tổng Giám đốc đến ngày 21/07/2022 17.953.333
Cộng	226.113.333

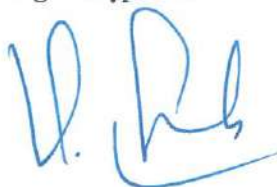
Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Nam Định, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



Đoàn Văn Cường

Kế toán trưởng



Đoàn Văn Cường

Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Đại diện pháp luật)



Nguyễn Đức Hiếu

C.P.